

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **44/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 17-4-2024.
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Hiện

Ông Lê Văn Tài

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 484/2023/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp 3, Thị Trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phương X, sinh năm 1985. Địa chỉ: 80/2 ấp AT, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Chị T và anh X tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đi đăng ký kết hôn vào ngày 30/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã An Quy, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian chung sống, chị T và anh X có 03 con chung tên Nguyễn Anh T1, sinh ngày 17/4/2018; Nguyễn Thái P, sinh ngày 17/4/2020 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 21/02/2023.

Lý do yêu cầu ly hôn: Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian sau thường hay xảy ra bất đồng quan điểm, làm cho mục đích hôn nhân không đạt được.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị T có các yêu cầu sau:

- Về hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Phương X. Không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Anh T1, sinh ngày 17/4/2018 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 21/02/2023. Chị T không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Chị T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thái P, sinh ngày 17/4/2020 cho anh Nguyễn Phương X nuôi dưỡng và chị T không cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Ngày 22/02/2024, chị Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Phương X đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cùng các bản sao tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Nguyễn Phương X vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

* Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung: chị T và anh X xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã An Quy, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 30/9/2019. Thời điểm đăng ký kết hôn anh, chị đã đủ tuổi, có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị T yêu cầu ly hôn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, xảy ra mâu thuẫn, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Anh X được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều nhưng không tham gia tố tụng cho thấy anh không quan tâm cuộc sống hôn nhân với chị Thúy. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh X là hoàn toàn hợp lý. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn nên không xem xét giải quyết.

Về con chung: thời gian sống chung anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 17/4/2018, Nguyễn Thái P, sinh ngày 17/4/2020 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 21/2/2023. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Anh Thư và Đăng

Khôi, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con, giao cháu Phương cho anh X nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án không làm việc được với anh X nên chấp nhận yêu cầu về con chung của chị Thúy. Chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thư và cháu Khôi. Anh X là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phương. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đó, căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T:

Về hôn nhân: chị T được ly hôn với anh X. Chị T và anh X không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết;

Về con chung: giao cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 17/4/2018 và cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 21/02/2023 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Thái P, sinh ngày 17/4/2020 cho ông Xa trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Về tài sản và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: anh Nguyễn Phương X có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 80/2 ấp An Thủy, xã An Quy, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị T có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Phương X đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh X vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Thúy, anh X theo quy định.

[4] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Phương X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã An Quy, huyện Thạnh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/9/2019. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị T và anh X được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị T xin ly hôn với anh X là do bất đồng về quan điểm, nay tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy: Chị T và anh X không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Tòa án đã tạo điều kiện để chị T và anh X hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng anh

X vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị T và anh X đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

[5] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh X có 03 con chung tên Nguyễn Anh T1, sinh ngày 17/4/2018; Nguyễn Thái P, sinh ngày 17/4/2020 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 21/02/2023. Hiện cháu Anh Thư và cháu Đăng K đang sinh sống ổn định cùng với chị T và được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển bình thường. Khi ly hôn chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh T1, cháu Đăng K. Cháu Thái P đang sống chung với anh X và chị T cũng đồng ý giao cho anh X tiếp tục nuôi cháu Thái P.

Lẽ đó, cần giao con chung tên Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 17/4/2018 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 21/02/2023 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên Nguyễn Thái P, sinh ngày 17/4/2020 cho anh Nguyễn Phương X trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị T không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Phương X vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có yêu cầu chị Phương phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

[6] Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị T không có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, 228 Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Phương X. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị T không có yêu cầu.

2. Về con chung: chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Anh T1, sinh ngày 17/4/2018 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 21/02/2023. Anh Nguyễn Phương X được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thái P, sinh ngày 17/4/2020.

Do chị T và anh X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị Nguyễn Thị T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000485 ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- UBND xã An Quy;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Xuân Tùng-Lê Khắc Hiệp

Nguyễn Thị Tư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thanh Hùng-Mai Văn Thắng

Nguyễn Thị Tư

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã An Nhơn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tơ

